TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày: 06 - 4 - 2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

2/ Ông Nguyễn Văn Tư.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền G.

Trong các ngày 04 và ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Số 278, tổ 14, khu C, thị trấn B, huyện A, tỉnh T.

- *Bị đơn:* 1/ Anh Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện L, tỉnh G.

Tạm trú: 95/6 phường A, thành phố A, tỉnh B.

2/ Chị Đậu Thị L, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện L, tỉnh G.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Hà Thị Đ, sinh năm 1974 (có mặt).

2/ Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 2001 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện L, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 17/05/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Dương Văn Đ trình bày:

Bà Hà Thị Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết N có vay của ông nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

Lần 1: Bà Đ, chị N vay số tiền 11.000.000 đồng.

Lần 2: Bà Đ, chị N vay số tiền 5.000.000 đồng.

Lần 3: Bà Đ, chị N vay số tiền 5.000.000 đồng.

Lần 4: Bà Đ, chị N vay số tiền 2.000.000 đồng.

Lần 5: Bà Đ, chị N vay số tiền 3.000.000 đồng.

Đến ngày 19/7/2019 (âm lịch), tổng số tiền vay 26.000.000 đồng. Thỏa thuận nếu bà Đ, chị N trả vốn trong vòng 10 ngày thì lãi 260.000 đồng/ngày. Nếu một tháng trả thì lãi 1.000.000 đồng. Đến ngày 21/8/2019 (âm lịch), anh G và chị L thay bà Đ, chị N ký hợp đồng bảo lãnh số nợ trên. Anh G, chị L hứa sẽ trả cho ông số tiền đã mượn vào ngày 01/9/2019 (âm lịch) nhưng đến hạn anh G và chị L không trả dù ông đã đòi nhiều lần. Tại phiên tòa, ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, do anh G và chị L đã ly hôn và số nợ này không có liên quan đến chị L nên ông không yêu cầu chị L cùng trả số nợ trên, ông yêu cầu anh G, bà Đ và chị N có trách nhiệm liên đới phải trả cho ông số tiền 26.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng tính từ ngày 01/9/2019 (âm lịch) đến khi xét xử vụ án tính tròn 30 tháng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Đậu Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến bằng văn bản về việc ông Đ khởi kiện chị yêu cầu trả số tiền 26.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa anh Nguyễn Hoàng G trình bày: Bà Hà Thị Đ, chị Nguyễn Thị Tuyết N vay của ông Dương Văn Đ số tiền 26.000.000 đồng có thế chấp sổ hộ khẩu gia đình và giấy chứng minh nhân dân. Do cần giấy tờ làm hồ sơ xin việc làm nên ông Dương Văn Đ yêu cầu anh ký hợp đồng bảo lãnh số nợ trên thì ông trả giấy tờ thế chấp nên anh và vợ anh ký hợp đồng bảo lãnh nợ. Hiện tại anh và chị L đã ly hôn vào ngày 02/02/2021. Nay, ông Đ yêu cầu anh trả số tiền 26.000.000 đồng anh đồng ý nhưng do hoàn cảnh khó khăn anh xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả đến khi hết nợ. Anh xin không trả lãi.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Hà Thị Đ, chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Bà và chị N có mượn nợ của ông Đ Nều lần với số tiền tổng cộng là 26.000.000 đồng, lãi ngày 260.000 đồng. Bà và chị N đã trả lãi đến ngày anh G, chị L xác lập hợp đồng bảo lãnh với ông Đ. Ngoài ra, bà có trả cho ông Đ 3.000.000 đồng tiền vốn nhưng không có giấy tờ chứng minh nên bà xem đây là bài học cho bản thân về sự tin tưởng đối với ông Đ. Nay, ông Đ yêu cầu bà và chị N liên đới trả số tiền 26.000.000 đồng, bà và chị N đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả cho đến khi hết nợ, không đồng ý trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Đậu Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, ông Đ rút yêu cầu chị L liên đới cùng anh G trả cho ông số tiền 26.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu của ông Đ là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu ông Đ buộc chị L trả số tiền 26.000.000 đồng.

Nhận thấy, vào ngày 19/7/2019 (âm lịch) bà Hà Thị Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết N có vay của ông Dương Văn Đ số tiền 26.000.000 đồng. Đến ngày 21/8/2019 anh Nguyễn Hoàng G và chị Đậu Thị L có viết giấy đứng ra bảo lãnh cho bà Đ và chị N trả số tiền trên cho ông Đ, việc này cũng được bà Đ và chị N thừa nhận. Anh G, bà Đ, chị N đồng ý liên đới trả nợ cho ông Đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh G, bà Đ, chị N có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đ số tiền 26.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin trả dần của anh G, bà Đ và chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh G, bà Đ và chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và việc xin trả dần cũng không được ông Đ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh G, bà Đ và chị N.

[4] Yêu cầu tính lãi: Ông Đ yêu cầu tính lãi chậm trả số tiền 26.000.000 đồng từ ngày 01/9/2019 (âm lịch) đến ngày Tòa xét xử, tính tròn 30 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh G, bà Đ và chị N có trách nhiệm trả cho ông Đ số tiền lãi là (26.000.000 đồng x 0,83%/tháng) x 30 tháng = 6.474.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh Nguyễn Hoàng G, bà Hà Thị Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Đ.

1. Buộc anh Nguyễn Hoàng G, bà Hà Thị Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết N có nghĩa vụ liên đới phải trả cho ông Dương Văn Đ số tiền gốc 26.000.000 đồng và tiền lãi 6.474.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Dương Văn Đ buộc chị Đậu Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đ số tiền 26.000.000 đồng.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng G, bà Hà Thị Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết N có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 1.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Dương Văn Đ số tiền 650.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001306 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án theo qui định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Kim Loan